Đơn vị: Sở Tài chính

Chương: 418

Loại 340; khoản 341

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, các tổ chức được nhà nước hỗ trợ;

Sở Tài chính công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán được giao	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	**Nguồn ngân sách nhà nước**				
I	**Chi quản lý hành chính**	**16.610**	**5.341**		
1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**8.770**	**4.399**		
1.1	**Văn phòng Sở**	**8.231**	**4.188**		
6000	Chi tiền lương	3.823	1.855	49%	114%
6050	Tiền công LĐ thường xuyên theo HĐ		30		238%
6100	Chi phụ cấp lương	1.799	911	51%	108%
6200	Khen thưởng	65	65	100%	109%
6250	Chi Phúc lợi tập thể	172	443	259%	211%
6300	Chi các khoản đóng góp	914	451	49%	116%
6400	Thanh toán cho cá nhân	73	18	25%	47%
6500	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	313	98	31%	73%
6550	Chi mua vật tư văn phòng	400	61	15%	22%
6600	Chi thông tin tuyên truyên liên lạc	89	40	45%	126%
6650	Hội nghị	15		0%	0%
6700	Chi tiền công tác phí	276	16	6%	7%
6750	Chi thuê mướn	108	52	48%	221%
6900	Chi sửa chữa thường xuyên	48		0%	0%
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn		7		848%
7050	Mua sắm tài sản vô hình	5		0%	0%
7750	Các khoản chi khác	130	130	100%	33%
7900	Chi cho các sự kiện lớn		12		183%
1.2	**Trung tâm Dịch vụ tài chính**	**539**	**211**		
6000	Chi tiền lương	248	114	46%	78%
6100	Chi phụ cấp lương	38	17	45%	71%
6250			47		783%
6300	Chi các khoản đóng góp	60	28	46%	81%
6400	Thanh toán cho cá nhân	2	1	44%	70%
6500	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	74		0%	
6550	Chi mua vật tư văn phòng	26	5	18%	27%
6600	Chi thông tin tuyên truyên liên lạc	24		0%	0%
6700	Chi tiền công tác phí	24		0%	0%
7750	Các khoản chi khác	42	0	0%	33%